

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/HS-ST
Ngày 27-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nghiêm.

Ông Phạm Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện K sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - K sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn K, sinh ngày 23 tháng 01 năm 1962, tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê M (đã chết) và bà Lê H (đã chết); có vợ là Nguyễn B và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Lê Thành N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1964, tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê B (đã chết) và bà Phạm T (đã chết); có vợ là Phạm T và 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Dương Văn Đ, sinh ngày 09 tháng 4 năm 1968, tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương P (đã chết) và bà Lương T (đã chết); có vợ là Tụ N và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của UBND xã H: Ông Phùng T - Chức vụ, Chủ tịch UBND xã H, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

2. NLQ1, sinh năm 1974. Vắng mặt.

3. NLQ2, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Cùng nơi công tác: UBND xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

4. NLQ3, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số xx, đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. NLQ4, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. NLQ5, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số xxxx, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn K làm kế toán tại UBND xã H, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, từ ngày 10/12/2014 theo quyết định số: 5218/QĐ-UBND ngày 08/12/2014, của Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng. Trong quá trình công tác nhận thấy việc quản lý thu, chi ngân sách tại UBND xã H còn nhiều lỏng lẻo nên Lê Văn K nảy sinh ý định lập không chứng từ để chiếm đoạt tiền từ ngân sách.

Lê Văn K trực tiếp sử dụng máy tính, máy in tạo lập các văn bản, K ký vào phần của kế toán, một số biên bản nghiệm thu, hóa đơn thì giả chữ ký của người khác hoặc bỏ trống. Sau đó Lê Văn K trình các chứng từ không vào các tập chứng từ chi có thật cho Chủ tịch UBND xã H Lê Thành N ký vào những thời điểm đang bận công việc hoặc chuẩn bị đi họp, đi công tác. Khi Lê Thành N ký các tài liệu thì Lê Văn K đóng dấu vào tài liệu để hoàn thiện và chuyển Kho bạc Nhà nước huyện Hữu Lũng để rút tiền.

Năm 2019, UBND xã H ký hợp đồng cung cấp dịch vụ chữ ký số với Trung tâm kinh doanh VNPT - LẠNG SƠN cho Chủ tịch UBND xã và kế toán. Thực hiện hợp đồng, Trung tâm kinh doanh VNPT - LẠNG SƠN bàn giao 02 thiết bị phần cứng chứa khóa bí mật cho Lê Văn K, sau khi nhận Lê Văn K không giao thiết bị của Chủ tịch UBND xã cho Lê Thành N, NLQ1 mà trực tiếp giữ cả 02 thiết bị này. Mỗi khi lập hồ sơ không K sử dụng thiết bị chữ ký số của mình và của Chủ tịch UBND xã để ký duyệt và chuyển Kho bạc Nhà nước huyện Hữu Lũng rút tiền.

Lợi dụng mối quan hệ quen biết với một số cơ sở kinh doanh, Lê Văn K gặp và nhờ các chủ cơ sở viết hóa đơn, ký vào hợp đồng, biên bản do K lập hoặc có trường hợp K nhờ người bán hàng lập hợp đồng để làm chứng từ không. Chủ các cơ sở kinh doanh sau khi nhận được tiền do Kho bạc Nhà nước huyện Hữu Lũng chuyển vào tài khoản sẽ rút ra, giữ lại tỷ lệ nhất định, số còn lại K trực tiếp

đến gặp nhận bằng tiền mặt. Quá trình điều tra làm rõ Lê Văn K đã lập không các bộ chứng từ để chiếm đoạt tiền ngân sách, cụ thể như sau:

Hình thức thứ nhất: Lê Văn K lập không, trình Lê Thành N ký duyệt các bộ chứng từ để hoàn thiện thủ tục quyết toán theo các giấy rút dự toán ngân sách sau:

1. Đại lý vật liệu xây dựng - Nội thất dân dụng Dương Văn Đ do Dương Văn Đ làm chủ; gồm các giấy rút dự toán ngân sách sau:

1.1. Số 135a ngày 24/01/2018, nội dung thanh toán tiền mua đất đá tổng hợp, xi măng tu sửa đường giao thông thôn xóm, số tiền 46.740.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 45.337.800 đồng.

1.2. Số 60CK ngày 19/9/2018, nội dung thanh toán tiền mua đá tổng hợp sửa đường giao thông thôn xóm, số tiền 34.270.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 33.241.900 đồng.

1.3. Số 15a ngày 10/4/2019, nội dung thanh toán tiền mua đất đá tổng hợp sửa đường giao thông thôn xóm, số tiền 64.320.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 62.390.400 đồng.

1.4. Số 84a ngày 25/10/2019, nội dung thanh toán tiền mua đất đá tổng hợp sửa đường giao thông thôn xóm, số tiền 43.490.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 42.185.300 đồng.

1.5. Số 126a ngày 14/01/2020, nội dung thanh toán tiền mua đá suối tổng hợp sửa đường giao thông thôn xóm, số tiền 55.760.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 54.087.200 đồng.

1.6. Số 127a ngày 14/01/2020, nội dung thanh toán tiền thuê máy mức rãnh đường thôn Hồ Mười, số tiền 12.400.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 88% số tiền, tương ứng 10.912.000 đồng.

1.7. Số 37a ngày 29/5/2020, nội dung thanh toán tiền mua vật liệu tu sửa đường giao thông thôn Suối Trà, số tiền 18.190.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 17.644.300 đồng.

1.8. Số 38a ngày 29/5/2020, nội dung thanh toán tiền đào rãnh đường thôn Trại Dạ, số tiền 11.250.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 88% số tiền, tương ứng 9.900.000 đồng.

2. Cửa hàng điện tử X do NLQ5 làm chủ; gồm các giấy rút dự toán ngân sách:

2.1. Số 78a ngày 30/9/2019, nội dung thanh toán tiền mua đồ điện tử cho UBND xã, số tiền 15.580.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 15.112.600 đồng.

2.2. Số 118a ngày 17/01/2020, nội dung thanh toán tiền mua cây lọc nước cho UBND xã, số tiền 7.240.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 7.022.800 đồng.

3. Cửa hàng máy tính, văn phòng phẩm, nội thất K do NLQ3 làm chủ; gồm

các giấy rút dự toán ngân sách sau:

3.1. Số 17a ngày 10/4/2019, nội dung thanh toán tiền mua bàn ghế ngồi làm việc ủy ban, số tiền 22.000.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 20.900.000 đồng.

3.2. Số 133a ngày 17/01/2020, nội dung thanh toán tiền mua tủ tài liệu dùng cho bí thư, chủ tịch UBND, chủ tịch HĐND, bục phát biểu UBND, số tiền 19.200.000 đồng. Thực tế Lê Văn K mua 01 kệ tivi, 01 tủ sắt, 01 bàn, 01 giường với giá 19.000.000 đồng và mang về nhà sử dụng; còn 200.000 đồng là trả tiền viết hóa đơn đỏ.

4. Cửa hàng phô tô in ấn và văn phòng phẩm Q do NLQ4 làm chủ: Giấy rút dự toán số 145a ngày 29/01/2020, nội dung thanh toán tiền in ấn các loại băng rôn, pano tuyên truyền nông thôn mới, số tiền 10.000.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 90% số tiền, tương ứng 9.000.000 đồng.

Hình thức thứ hai: Lê Văn K lập khống, dùng thiết bị chữ ký số của mình để duyệt ký phần của kế toán và thiết bị chữ ký số của NLQ1 để duyệt ký phần của Chủ tịch UBND xã đối với các bộ chứng từ theo các giấy rút dự toán ngân sách sau:

1. Đại lý vật liệu xây dựng - Nội thất dân dụng Dương Văn Đ; gồm các giấy rút dự toán ngân sách:

1.1. Số 101 ngày 21/9/2020, nội dung thanh toán tiền mua đá cuội sỏi tu sửa đường giao thông thôn xóm, số tiền 17.300.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 16.781.000 đồng.

1.2. Số 100 ngày 24/9/2020, nội dung thanh toán tiền mua đá cuội sỏi tu sửa đường giao thông thôn xóm, số tiền 19.220.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 18.643.400 đồng.

1.3. Số 173 ngày 19/01/2021, nội dung thanh toán tiền mua đá cuội sỏi tu sửa đường giao thông thôn xóm, số tiền 32.850.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 31.864.500 đồng.

1.4. Số 180 ngày 22/01/2021, nội dung thanh toán tiền mua đá sỏi tu sửa đường giao thông thôn xóm, số tiền 26.640.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 25.840.800 đồng.

2. Cửa hàng điện tử Xuân Long: Số 76 ngày 18/8/2020, nội dung thanh toán tiền mua các thiết bị truyền thanh, số tiền 18.105.000 đồng; Lê Văn K chiếm đoạt 97% số tiền, tương ứng 17.561.850 đồng.

Như vậy, Lê Văn K đã lập 18 bộ chứng từ khống để rút tiền ngân sách Nhà nước và chiếm đoạt tổng số tiền **457.425.850** đồng.

Ngày 12/8/2015, Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng ban hành quyết định số 3810/QĐ-UBND về việc phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức vụ Chủ tịch UBND xã H khóa XVIII, nhiệm kỳ 2011 - 2016 đối với Lê Thành N. Sau đó Lê Thành N tiếp tục được bầu giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã H đến ngày 01/6/2020 thì được

nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Trong thời điểm từ ngày 24/01/2018 đến ngày 29/5/2020, Lê Thành N đã thiếu trách nhiệm, không K tra, ký duyệt chi 13 chứng từ không do Lê Văn K lập gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền **360.440.000** đồng.

Tại Báo cáo Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực tài chính ngày 31/8/2022, kết luận:

Số tiền thu - chi - tồn quỹ tiền mặt nguồn Ngân sách Nhà nước (NSNN) cấp của UBND xã H từ năm 2018 đến tháng 10/2021: Số tiền mặt thu 8.781.149.550 đồng. Số tiền mặt chi 13.107.672.200 đồng; trong đó số đủ căn cứ thanh, quyết toán theo quy định là 12.161.796.025 đồng; số thiếu căn cứ thanh, quyết toán theo quy định là 945.876.175 đồng. Số tiền mặt tồn là -4.326.522.650 đồng.

Số tiền mặt thu nguồn quỹ nhân dân đóng góp của UBND xã H từ năm 2018 đến tháng 10/2021:

Thu - chi tiền mặt thu về: Số thu tiền mặt là 53.435.000 đồng. Số tiền mặt nộp vào tài khoản tiền gửi là 65.645.000 đồng; số tiền mặt chi thiếu căn cứ thanh, quyết toán theo quy định là 65.645.000 đồng. Số tiền mặt tồn quỹ là -12.210.000 đồng.

Thu - chi từ tài khoản tiền gửi: Số thu là 6.775.000 đồng; số chi là 2.635.000 đồng, số thiếu căn cứ thanh, quyết toán là 2.635.000 đồng; số tồn tài khoản là 4.140.000 đồng.

Số tiền theo giấy rút dự toán - chi chuyển khoản - dư chuyển khoản nguồn NSNN của UBND xã H từ năm 2018 đến tháng 10/2021: Số tiền giấy rút dự toán chuyển khoản là 8.940.572.565 đồng. Số tiền chi chuyển khoản 9.176.077.815 đồng; trong đó số đủ căn cứ thanh, quyết toán theo quy định là 7.694.542.108 đồng; số thiếu căn cứ thanh, quyết toán theo quy định là 1.481.535.707 đồng. Số dư chuyển khoản là -235.505.250 đồng.

Tại Công văn số: 1166/CV-CCT ngày 28/7/2022, của Chi cục Thuế khu vực 1, Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Đối với các loại hàng hóa dịch vụ các cơ sở kinh doanh của Dương Văn Đ, NLQ5, NLQ3, NLQ4 thì mức thuế được tính trên doanh thu, trong đó thuế giá trị gia tăng 1%, thuế thu nhập cá nhân 0,5%; riêng 02 hóa đơn đào rãnh đường giao thông thuế giá trị gia tăng 5%, thuế thu nhập cá nhân 2%.

Dương Văn Đ là chủ hộ kinh doanh đăng ký lần đầu ngày 22/4/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16/3/2021, tại Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; ngành nghề kinh doanh vận tải hàng hóa, vật liệu xây dựng, đồ điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điện nước. Quá trình kinh doanh, Dương Văn Đ đã nhiều lần bán hàng hóa cho UBND xã H nên quen biết Lê Văn K. Vì nể nang và nhận thức pháp luật còn hạn chế nên Dương Văn Đ đã bán cho Lê Văn K 12 hóa đơn có ghi nội dung nhưng thực tế không xuất hàng hóa, sau khi được thanh toán Đóng giữ lại một phần, còn lại rút tiền đưa cho K. Tổng số tiền ghi trên các hóa đơn là **382.430.000** đồng; Dương Văn Đ phải nộp ngân sách 7.037.200 đồng, số thu lợi 6.564.200 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số: 272/KL-KTHS ngày 18/7/2022, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Dương Văn Đ trên 12 hóa đơn bán hàng với chữ ký, chữ viết mang tên Dương Văn Đ trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết, ký ra.

Với nội dung như trên Cáo trạng số: 79/CT-VKS ngày 28 tháng 11 năm 2022, Viện K sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, đã truy tố bị cáo Lê Văn K về tội Tham ô tài sản quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Thành N về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Dương Văn Đ về tội Mua bán trái phép hóa đơn quy định tại điểm e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện K sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội Tham ô tài sản; bị cáo Lê Thành N phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; bị cáo Dương Văn Đ phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn. Đề nghị áp dụng điểm c, d khoản 2, 5 Điều 353; các điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 54 Bộ luật Hình sự, đối với Lê Văn K, xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề kế toán từ 01-02 năm; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Áp dụng điểm d khoản 1, 4 Điều 360; các điểm s, v khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50, 65 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lê Thành N, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định, phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề quản lý tài chính, kế toán từ 01 đến 02 năm. Áp dụng điểm e khoản 2, 3 Điều 203; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50, 65 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Dương Văn Đ, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định, phạt bổ sung số tiền từ 10-20 triệu đồng. Về xử lý vật chứng áp dụng điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách số tiền bị cáo Lê Văn K nộp khắc phục hậu quả 457.425.850 đồng, số tiền thu lợi bị cáo Dương Văn Đ nộp 6.564.200 đồng, 01 máy tính xách tay màu đen và 01 ổ sạc máy tính. Trả lại cho bị cáo Lê Văn K số tiền 37.190.150 đồng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; K sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định tư pháp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận:

[3] Bị cáo Lê Văn K nguyên là kế toán của UBND xã H, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, lợi dụng việc quản lý lỏng lẻo ngân sách, trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, Lê Văn K đã có hành vi lập 18 bộ hồ sơ khống, nhiều lần rút tiền ngân sách Nhà nước để chiếm đoạt, với tổng số tiền **457.425.850** đồng (bốn trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi đồng).

[4] Bị cáo Lê Thành N, nguyên Chủ tịch UBND xã H, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã thiếu trách nhiệm, buông lỏng trong quản lý tài chính, không K tra chứng từ, để cho kế toán lập khống chứng từ rút tiền ngân sách Nhà nước, gây thiệt hại cho ngân sách với tổng số **360.440.000** đồng (ba trăm sáu mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

[5] Bị cáo Dương Văn Đ là chủ hộ kinh doanh đã bán cho Lê Văn K 12 hóa đơn có ghi nội dung nhưng thực tế không xuất hàng hóa, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền **382.430.000** đồng (ba trăm tám mươi hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng), bị cáo Dương Văn Đ thu lợi **6.564.200** đồng (sáu triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn hai trăm đồng).

[6] Do đó, Cáo trạng của Viện K sát truy tố bị cáo Lê Văn K về tội Tham ô tài sản quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Thành N về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Dương Văn Đ về tội Mua bán trái phép hóa đơn quy định tại điểm e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[7] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, cũng như trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, tài chính, đồng thời ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan Nhà nước nói chung, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm.

[8] Xét về nhân thân, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, lần phạm tội này là lần đầu. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Văn K đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; trong quá trình công tác, lao động bị cáo Lê Thành N, Dương Văn Đ có thành tích xuất sắc nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Lê

Văn K có bổ đề được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được UBND xã xác nhận (có con bị tai nạn hiện nằm liệt giường sống thực vật); bị cáo Lê Thành N là người thờ cúng liệt sĩ, bị cáo Dương Văn Đ nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[9] Xét lời luận tội của đại diện Viện K sát về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và đề nghị mức hình phạt đối với từng bị cáo là phù hợp để cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời đảm bảo tính chất răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Hình phạt bổ sung: Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo Lê Văn K, Lê Thành N, trong một thời hạn nhất định; áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Dương Văn Đ theo khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền Lê Văn K nộp khắc phục hậu quả và số tiền hưởng lợi Dương Văn Đ nộp, 01 máy tính là công cụ phương tiện phạm tội. Đối với số tiền bị cáo Lê Văn K nộp vượt quá số tiền chiếm đoạt trả lại cho bị báo.

[12] Đối với ông NLQ1 Chủ tịch UBND xã H (từ ngày 05/6/2020). Xét thấy, từ ngày 18/8/2020 đến ngày 21/01/2021, Lê Văn K đã sử dụng thiết bị chữ ký số của ông Tiến ký duyệt chi 05 bộ chứng từ không với số tiền 114.115.000 đồng để chiếm đoạt. Tuy nhiên, ông Tiến không được Trung tâm kinh doanh VNPT - LANG SƠN giao thiết bị chữ ký số, không biết K sử dụng thiết bị chữ ký số của mình để duyệt chi không. Đối với NLQ2 cán bộ Văn phòng - Thống kê của UBND xã H được ký vào 03 hóa đơn mua hàng nhưng không biết K lập không. Do đó ông Tiến, ông Thái không có lỗi nên không đặt vấn đề xử lý.

[13] Đối với NLQ5, NLQ3, NLQ4 bán hóa đơn có ghi nội dung nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó hành vi của NLQ5, NLQ3, NLQ4 chỉ là hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn.

[14] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[15] Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Căn cứ vào điểm c, d khoản 2, 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lê Văn K. Căn cứ vào điểm d khoản 1, 4 Điều 360; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lê Thành N. Căn cứ vào điểm e khoản 2, 3 Điều 203; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Dương Văn Đ.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội Tham ô tài sản; bị cáo Lê Thành N phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; bị cáo Dương Văn Đ phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Văn K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Cấm bị cáo Lê Văn K đảm nhiệm nhiệm vụ kế toán trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.2. Xử phạt bị cáo Lê Thành N 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/12/2022).

Cấm bị cáo Lê Thành N đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc quản lý tài chính trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3. Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/12/2022).

Phạt bổ sung bị cáo Dương Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền bị cáo Lê Văn K nộp khắc phục hậu quả 457.425.850 đồng (bốn trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi đồng); số tiền thu lợi bị cáo Dương Văn Đ nộp 6.564.200 đồng (sáu triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn hai trăm đồng); 01 máy tính xách tay màu đen; 01 ổ sạc máy tính.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn K số tiền 37.190.150 đồng (ba mươi bảy triệu một trăm chín mươi nghìn một trăm năm mươi đồng).

(Số tiền 114.115.000 đồng đã nộp vào ngân sách Nhà nước theo 02 Giấy nộp trả kinh phí ngày 12/3/2021 và ngày 19/3/2021 vào Kho bạc Nhà nước Hữu Lũng. Số tiền 380.501.000 đồng nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, theo Ủy nhiệm chi ngày 29/11/2022. Số tiền 6.564.200 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng theo Biên lai thu tiền số: AA/2021/0004788 ngày 28/11/2022. 01 máy tính và 01 ổ sạc máy tính hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, chi tiết được mô tả theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 29 tháng 11 năm 2022)

4. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn K, Lê Thành N, Dương Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hải Đoàn